



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH VAN HUE
Last Middle First

Current Address: 403 Hai Giang - P11 - Q6 - Ho Chi Minh City

Date of Birth: 04 - 18 - 1949 Place of Birth: Saigon

Previous Occupation (before 1975) 1st Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-28-75 To 10-07-1983
Years: 08 Months: 03 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>JAMES QUANG NGUYEN</u>	<u>friend</u>
<u>Torrance CA 90501</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN - THI - NGOC - CHAU	1952	wife
HUYNH - THI MINH TRANG	1974	-daughter
HUYNH VAN LAP	1975	son
HUYNH VAN THANH	1985	son
HUYNH THANH SON	1989	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. . ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI HỢP ĐƠN

ODP IV F

Date: _____
Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Orderly Departure Office
Paukabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch cơ bản

1. Name
Họ, tên : HUYNH VAN-HUE Sex
Phái Nam
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 18-4-1949 tại Saigon
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 403 Đường Hậu Giang Phường 11 Quận 6 TP-Hồ Chí Minh
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-từ : 403 Hậu Giang Phường 11 Quận 6 TP-Hồ Chí Minh
6. Current Occupation
Nghề-nghiep hiện tại : Thợ Tiện

a. List/Names of accompanying relatives (if any) living with you

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (V), or Single (S).)
(Chú-y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (V), hoặc độc thân (S).)

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên hệ gia-đình
1. <u>Nguyễn Thị Ngọc Châu</u>	<u>16-11-1952</u>	<u>Saigon</u>	<u>Nữ</u>	<u>(M)</u>	<u>Vợ</u>
2. <u>Huỳnh Thị Huỳnh Trang</u>	<u>15-1-1974</u>	<u>Saigon</u>	<u>Nữ</u>	<u>(S)</u>	<u>Con</u>
3. <u>Huỳnh Văn Lập</u>	<u>2-9-1975</u>	<u>Saigon</u>	<u>Nam</u>	<u>(S)</u>	<u>Con</u>
4. <u>Huỳnh Văn Thanh</u>	<u>18-7-1985</u>	<u>Saigon</u>	<u>Nam</u>	<u>(S)</u>	<u>Con</u>
5. <u>Huỳnh Thanh Sơn</u>	<u>21-8-1989</u>	<u>Saigon</u>	<u>Nam</u>	<u>(S)</u>	<u>Con</u>
6. _____					
7. _____					
8. _____					
9. _____					
10. _____					
11. _____					
12. _____					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con ạc cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of M/self/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative in the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên

LÊ TÂN TÀI

NGUYỄN NGỌC QUANG

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

Em cô cậu ruột

Anh chú bác ruột

c. Address
Địa-chỉ

1404 Houston TX

St Terrance CA

d. Date of Relative's Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

77036 USA
năm 1978

90501 USA
80-4-19-75

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình

c. Address
Địa-chỉ

D. Complete Family Listing (Living/Dead). Danh Sách Toàn-đội Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father

HUYỀNH TƯỜNG (chết)

2. Mother

LÊ THI LẠI (chết)

3. Spouse
Vợ/Chồng

Nguyễn Thị Ngọc Châu (Sống)

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có)

5. Children
Con cái

(1) Huyền Thị Minh Trang (Sống)

(2) Huyền Văn Lập (Sống)

(3) Huyền Văn Thanh (Sống)

(4) Huyền Thanh Sơn (Sống)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings
Anh chị em

(1) Huyền Thị Lan Chi (Sống)

(2) Huyền Văn Nề (Sống)

(3) Huyền Thị Cẩm Nhung (Sống)

(4) Huyền Thái (Sống)

(5) Huyền Hùng (Sống)

(6) Huyền Thị Kim Anh (Sống)

(7) Huyền Đức Thanh (Sống)

(8)

(9)

2. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your spouse/ban hoặc vợ/chồng đã có lần việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
Position title
Chức-vụ : _____
Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
Position title
Chức-vụ : _____
Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
Position title
Chức-vụ : _____
Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

7. Service with GVN or RVNAF By You Or Your spouse/ban hoặc Vợ/Chồng đã Công vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: HUYENH VAN HUE
2. Dates: From: 19-10-1970 To: 30-4-1975
Ngày, tháng, năm Từ _____ Đến _____
3. Last Rank
Cấp bậc cuối-cùng: Thiếu Úy Serial Number: 69/152976
Số thẻ nhân-viên: _____
4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/Sở/Miền-Vũ Binh-Chung: Biệt-Đội Kỹ-thuật/Sứ-đoàn TQLC
5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chỉ-huy: Đại Úy Mã Lợi

Reason for Separation
Lý do rời việc

30-4-1975

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố vấn Mỹ

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại Việt-Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phẩm thưởng hoặc giấy khen:

Date received:

Ngày nhận:

SADBT/1 Chấn thưởng

Trong thời gian phục vụ

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes ☐ No ☐)

(CHÚY: Xin bạn kèm theo bản sao văn bằng, giấy khen, hoặc chứng thư nếu có. Đồng ý có không? Có ☒ Không ☐)

C. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Hạn học: Vợ/chồng đã huấn luyện ở ngoài quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn luyện:

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ

To

Đến

4. Description of Courses:

Mô tả ngành học

5. Who paid for training?

AI đài thọ chương trình huấn luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or certificates, if available. Available? Yes ☐ No ☐)
(CHÚY: Xin bạn kèm theo văn bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

D. Re-education of You or Your Spouse/Hạn học: vợ/chồng đã học tập cải tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học tập cải tạo:

Huỳnh Văn Huệ

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học tập

To: 5/1975

to

Tới:

12/10/1983

3. Still in Reeducation? Yes

Vẫn còn học tập cải tạo? Có

No

Không

X

(If released, we must have a copy of your release certificate.)
(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

E. Any Additional Remarks?/Cúc chú phụ-thuộc

Signature
Ký tên

[Signature]

Date

Ngày

9-10-1989

F. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-rs kèm theo với s câu hỏi này

1 Hôn Thê

6 khai Samh

5 Hình

1 Bản Sao căn cước quân nhân

1 Bản Sao giấy ra Trại

1 Bản Sao Hộ khẩu

1 Bản Sao QĐ phục hồi quyền Công Dân

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

QUẬN SAU

PHƯỜNG BÌNH TIỀN

Số hiệu: 60

TRÍCH-LỤC CHỨNG THƯ HÔN-THỦ

Lập ngày 12 tháng 12 năm 19 73

Tên họ chồng	HUYNH VAN HUE
Ngày và nơi sanh	18.4.1949 tại Saigon
Tên họ cha chồng	HUYNH TUONG (Sống/ Chết)
Tên họ mẹ chồng	LE THI LAI (Sống/ Chết)
Tên họ vợ	NGUYEN THI NGOC CHAU
Ngày và nơi sanh	16.11.1952 tại Saigon
Tên họ cha vợ	VO DANH (Sống/ Chết)
Tên họ mẹ vợ	NGUYEN THI BONG (Sống/ Chết)
Ngày lập hôn thú	Mười hai tháng mười hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba, hồi 10g
Có lập hôn khế không	-----

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 21 tháng 12 năm 1973

VIỆN-CHỨC HỘ-TỊCH

[Signature]

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CĂN - CƯỚC

QUÂN NHÂN

023940

TRẦN-VĂN - HUE



Họ và tên

TRẦN VĂN HUE

Số quân

09/152.076

Ngày, nơi sinh

1949

Quê

Bà Rịa

Đơn vị

Trung Tâm

Họ

TRẦN VĂN HUE

CD. 349 A

064785

Dầu vớt hàng

Hàng số 1 Bưu lư
Hàng hai

Đã có số: 04880915

09-5-73 Lũy 86

125 ngày 30.8.74

Tên: NGUYỄN-XUÂN-TRANG

Chức vụ: Nhân-Viên

Đã ký: OLYNCH

A handwritten signature, possibly 'HONG', is written over a rectangular stamp that contains some illegible text.

in 80

Loại B

Số
Tờ
Số
Ngày

Ngày trả lại



BỘ NỘI VỤ
Trại Xuân Lộc
Số 823 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0 0 3 3 7 8 2 7 5 2 2
SHSLD

GIẤY RA TRẠI

CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH
ĐÃ TRÌNH DIỄN

Số 1399
Ngày 15 tháng 10 năm 1983
PHÒNG CS. GLHC và TTXH

Theo thông tư số 966-BCA-TT ngày 31-1-1961 của Bộ Nội vụ:

Thủ hành án văn, quyết định tha số 85/QĐ ngày 20 tháng 09 năm 1983

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh HUYỀN VĂN HUỆ

Sinh năm 19 42

Các tên gọi khác:

Nơi sinh Sài Gòn

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt:

51B/16D Đường Minh Phú, Quận 6, TP/ HỒ CHÍ MINH

Cán tội Hiệu úy trung đội trưởng thủy quân lục chiến

Bị bắt ngày 28/06/1975 Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 403 Đường Hậu Giang, Quận 6, TP/ HỒ CHÍ MINH

Nhận xét quá trình cải tạo

(Quản chế: 12 tháng)

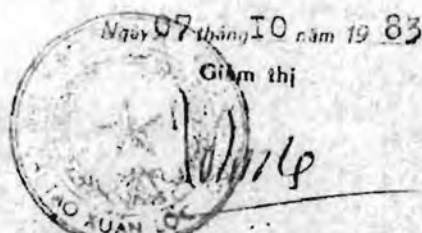
Được sự phê chuẩn của UBND Phường, xã:

Trước ngày 12 tháng 10 năm 19 83

Lần tay ngón trái phải
Của Huỳnh Văn Huệ
Danh bản số _____
Lập tại _____

Họ tên, chức
người được cấp giấy

Huỳnh Văn Huệ



Thượng tá: Trịnh Văn Thích

Công an TP. Qb.
Huyện Văn Huệ có đến
có quan trình giấy ra ngoài

Ngày 10. 10. 83
Phường CA
Nguyễn Văn Sương

ĐÔ-THÀNH SAIGON

HỘ-TỊCH

Bản số 3010-bis

*

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bốn mươi chín (1949)



Tên, họ đứa nhỏ	Huỳnh văn Huệ
Phái	masculin
Ngày sanh	le dix huit Avril mil neuf cent quarante neuf à 19 h 30
Nơi sanh	Saigon, 110 rue de Boresse
Tên, họ người Cha	Huỳnh Tương nhìn nhận là con theo bản án Tòa Sơ Thẩm Saigon, xử ngày 8/12/64
Nghề-nghiệp	-----
Nơi cư-ngụ	-----
Tên, họ người Mẹ	Lê thị Lai nhìn nhận là con theo bản án Tòa Sơ Thẩm Saigon, xử ngày 8/12/64
Nghề nghiệp	sans profession
Nơi cư-ngụ	Saigon, Ruelle d'Ayot
Vợ chánh hay thứ	Con tư sanh được nhìn nhận, và chánh thức hóa do bản án Tòa Sơ Thẩm Saigon, xử ngày 8/12/1964.

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH:

B/5

Saigon ngày 3 tháng 10 năm 1972

K. N. ĐO-TRƯỞNG SAIGON

CHỦ-SU PHÒNG HỘ-TỊCH



luuk
KHUẾ-THỊ-VINH

NAM-PHÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

HỘ-TỊCH

Số * 16103

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm năm mươi hai (1952)



Tên, họ đứa nhỏ	Nguyễn thị Ngọc Châu
Phái	con gái
Ngày sanh	ngày mười sáu tháng mười một năm một ngàn chín trăm năm mươi hai, 7g
Nơi sanh	90/28 đường Minh Phụng
Tên, họ người Cha	
Nghề-nghiep	
Nơi cư-ngụ	
Tên, họ người Mẹ	Nguyễn thị Bông
Nghề nghiệp	không nghề
Nơi cư-ngụ	đường Renault
Vợ chánh hay thứ	

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH:

Saigon, ngày tháng năm 19

T.U.N. ĐÔ-TRƯỞNG SAIGON

CHỦ SỰ PHÒNG HỘ-TỊCH

72 B/5



KHUẾ-THỊ VINH

VIỆT-NAM CỘNG HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: 5

Lập ngày 19 tháng 01 năm 1974 No/10

PHƯỜNG Hồng Bông

Số hiệu: 671

103



Tên họ đứa trẻ. . . .	HUYEN THI MINH TRANG
Con trai hay con gái. .	MẺ
Ngày sanh.	mười lăm tháng giêng năm một ngàn chín trăm bảy mươi bốn 1974
Nơi sanh.	128 BUNG VUONG
Tên họ người cha. . .	HUYEN VAN HUE
Tên họ người mẹ. . .	NGUYEN THI NGOC CHAU
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	vợ chánh
Tên họ người đứng khai.	NGUYEN THI BONG

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Saigon, ngày 23 tháng 01 năm 1974

Viện-Chức Hộ-Tịch,

1974

TRAN VAN-TAM

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Bình tiến
Thị xã, Quận Sầu
Thành phố, Tỉnh HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3



BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 247
Quyền số 01

Họ và tên	<u>HUYỀN VĂN LẬP</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày hai tháng chín năm một chín bảy lăm</u> <u>(2/9/1975)</u>		
Nơi sinh	<u>Bảo sanh đại an</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Văn Huệ</u> <u>26 tuổi</u>	<u>Nguyễn thị Ngọc Châu</u> <u>23 tuổi</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>Việt nam</u>		
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	<u>Học sinh</u>	<u>Tội trợ</u>	<u>512/160 Minh phụng</u>
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn thị Ngọc Châu</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 26 tháng 07 năm 19 88

TM/UBND 06 ký tên đóng dấu



Chánh Văn Phòng
Bí thư Văn Phòng

Nguyễn Văn Nhấn

Đã ký ngày 08 tháng 01 năm 19 76

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Ủy viên hộ tịch

Đã ký: Đặng Văn Nhấn

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn Phước MỹThị xã, Quận 6Thành phố, Tỉnh Hồ Chí Minh

BẢN SAO

Số 2639

GIẤY KHAI SINH

Quyển số 2/85

Họ và tên	HUỖNH VĂN THANH		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	Ngày <u>tám</u> , tháng <u>bảy</u> , năm <u>một chín tám lăm</u> (<u>8 / 7 / 1985</u>)		
Nơi sinh	<u>Bệnh viện Hùng Vương</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	HUỖNH VĂN HOÀNG <u>37 tuổi</u>	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU <u>1952</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt</u>	<u>Kinh</u> <u>nam</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKKK thường trú	<u>Thợ tiện</u>	<u>Công nhân</u> <u>403 Hậu Giang</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU <u>1952</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 26 tháng 7 năm 1988TM/UBND Quận 6 ký tên đóng dấuChánh Văn Phòng
Ủy ban Nhân dân Quận 6Đăng ký ngày 14 tháng 8 năm 1985

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Ủy viên thư ký

ĐÃ KÝ : NGUYỄN MINH HOÀNG

Nguyễn Văn Hồng

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường.....**11**.....
Huyện, Quận.....**6**.....
Tỉnh, Thành phố.....**HCN**.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Mẫu TP/HT 3
Số.....**178**.....
Quyển số.....**2/89**.....

GIẤY KHAI SINH (BẢN SAO)

Họ và tên.....**HUYỀN, THANH, SƠN**..... Nam hay nữ.....**Nam**.....
Ngày, tháng, năm sinh.....**Hai mươi mốt, tháng tám, năm một chín tám chín**.....
.....**chín (21 / 8 / 1989)**.....
Nơi sinh.....**BV. Hùng Vương**.....
Dân tộc.....**Kinh**..... Quốc tịch.....**VN**.....

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Nguyễn Thị Ngọc Chân	Nguyễn Văn Huệ
Tuổi	1952	1949
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Nội trợ	Thợ tiện
Nơi thường trú	403 Hẻm Giang P11Q6	

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Mẹ : Nguyễn Thị Ngọc Chân , 1952

020569367

Người đứng khai

Dã ký

Đăng ký ngày **29** tháng **8** năm **1989**
T/M Ủy Ban Nhân Dân

P. CT

P11Q6

Dã ký : Phạm Tuyết Hương

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

31/10/89 Ngày **29** tháng **8** năm **1989**

T/M UBND **P11Q6**

Ký tên, đóng dấu



Chữ ký

Phạm Tuyết Hương

THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 602690 CN

Họ và tên chủ hộ :

Nguyễn Văn Lê

Ấp, ngõ, số nhà :

403

Thị trấn, đường phố :

Hà Giang

Xã, phường :

Phường 19

Quận :

Sài Gòn

Ngày 16 tháng 8 năm 1955

Trưởng công an :

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Số NK 3 :

Thiếu tá NGUYỄN VĂN LÊ

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên căn hộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Nguyễn Văn Kien	Chủ hộ	Nam	1918	0204412018		01/10/1976	chức 28/6/85	Hà Nội
2	Nguyễn Thị Bông	Vợ	Nữ	1923	0204412029	Nội trợ	01/10/1976		phụ 4/10/86
3	Nguyễn Hồng Cúc	Con	Nữ	1962	0204412020		01/10/1976		
4	Nguyễn Thị Minh Hương	Con	Nữ	1974			01/10/1976		
5	Nguyễn Văn Lập	Con	Nam	1975			16/01/1977		
6	Nguyễn Thị Ngọc Châu	Con	Nữ	1982	020567367	Nội trợ	15/06/1977		
7	Nguyễn Văn Thanh	Con	Nam	08/7/1985			21/4/1977		
08	Nguyễn Văn Thanh	Con	Nam	1989	022045259		22/12/1978		
09	Lưu Vĩnh Phúc	Con	Nam	09/2/87			21/4/1977		
10	Lưu Vĩnh Phúc	Con	Nam	06/10/1978			22/12/1978		
11	Nguyễn Thanh Sơn	Con	Nam	21/8/1989			31/3/1989		

Số: 19/QĐ-UB

Ngày 15 tháng 4 năm 1985.

QUYẾT ĐỊNH

V/v phục hồi quyền công dân cho: Huỳnh Văn Huệ

hiện tạm trú tại số: 403 đường Đầu Giồng Phụng 5

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp ngày 30/6/1983;

- Căn cứ quyết định số 37/QĐ-UB ngày 23/2/1979 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành bản quy định về phân công nhân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân quận, huyện và cơ cấu tổ chức khối cơ quan chính quyền quận, huyện;

- Căn cứ quyết định số 15/QĐ-UB ngày 16/1/1981 của UBND thành phố Hồ Chí Minh, ban hành bản quy định tạm thời về việc ban hành chính sách đối với những người đã làm việc trong quân đội, Chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội chế độ cũ đi học tập cải tạo tạm thời và;

- Theo đề nghị của Ban chấp hành Công an quận 6 ngày 10/4/1985.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 01: Nay phục hồi quyền công dân cho ông, bà: Huỳnh Văn Huệ

Sinh năm: 1949 tại: Sài Gòn

Cấp, chức: Phụ tá trưởng phòng Huấn luyện Quân lực Chính

Đang tạm trú tại: 403 Đầu Giồng

Phường 5, Quận 6

Điều 02: Giao trách nhiệm cho Công an quận và UBND phường 5 tổ chức thực hiện quyết định này theo đúng nguyên tắc thủ tục quy định. Đồng thời giám đốc tạo điều kiện để ông thực hiện hành chính các chính sách của Nhà nước để ban hành.

Điều 03: Các Ông Chánh Văn phòng UBND Quận 6, Trưởng Công an phường 5, Trưởng Tổ quản lý người HQT được về, Chủ tịch UBND phường 5 và các cơ quan chức năng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi có:

- Như Điều 3 (để thi hành)

- Lưu



Chủ tịch

1985

TRƯỞNG TỔ QUẢN LÝ NGƯỜI HQT ĐƯỢC VỀ

Torrance

11-12-89

Kính Bà :

Tôi viết thư này đến Bà trước là
hỏi thăm sức khỏe sau là nhờ
Bà giúp đỡ.

Tôi được biết danh Bà qua báo
chi về những công việc bác ái của
Bà nên nay tôi mạo muội gửi đến
Bà hai hồ sơ từ nhân cải tạo,
một là em họ, một là bạn.

Tôi không rõ thủ tục phải làm
sao, vì vậy tôi nhờ Bà chỉ báo
giúp, có gì xin Bà liên lạc qua
địa chỉ của tôi. Thành thật cảm ơn Bà.

JAMES QUANG NGUYEN

TORRANCE, CA 90501

Nguyễn Văn Trường để gửi quà và
chức phúc cho Bà.

Nhân dịp Giáng Sinh sắp đến, chúng
tôi thành kính chúc Bà và gia
quyền được vui vẻ và an lành.

Kính,
James V. Nguyen

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

12/24

Huỳnh Huệ
Nguyễn Thị Ngọc Châu
Em họ